

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Quốc Việt**

Các Thẩm phán:

1. Ông **Trần Văn Vui**;

2. Ông **Huỳnh Ngọc Thiện**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Lát**, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:

Ông **Huỳnh Hùng Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 147/2017/HSPT ngày 14 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Lê Phú Q, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Bích C do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2017/HS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Lê Phú Q (Q Nato, Q Bún), sinh năm 1969 tại Quảng Nam; nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; con ông Lê K; con bà Trần Thị C; có vợ Nguyễn Thị H; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2000;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 23/11/2015, đến ngày 29/8/2016 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh (có mặt).

2/ Nguyễn Ngọc T (T Tề, Tềo), sinh năm 1977 tại Quảng Trị; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Ngọc X; con bà Trịnh Thị X; có vợ là Văn Thị Như T; có 01 con sinh năm 2011;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 24/11/2015, đến ngày 29/8/2016 được gia đình bảo lãnh (có mặt).

3/ Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1986 tại Bà Rịa-Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; con ông: Nguyễn Ngọc X; con bà: Trịnh Thị X;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 13/4/2016, đến ngày 03/6/2016 được gia đình bảo lãnh (có mặt).

4/ Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; con ông: Nguyễn Ngọc X; con bà: Trịnh Thị X;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 30/12/2015, đến ngày 29/8/2016 được gia đình bảo lãnh (có mặt).

- *Các bị cáo không có kháng cáo:*

1/ Lê Thanh T (T Bún), sinh năm: 1981 tại Quảng Nam; nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

1/ Lê Nguyễn Trọng T (Tý Trắng), sinh năm: 1996; Nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Bích C: Ông Lê Xuân T– Luật sư thuộc Đoàn luật sư TP HCM (có mặt).*

- *Người bị hại đồng thời là bị cáo trong vụ án không kháng cáo:*

1. Lê Thanh T; tên gọi khác (T Bún); sinh năm 1981;

2. Lê Phú Q; tên gọi khác (Q Nato, Q Bún); sinh năm 1969;

Cùng nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Nguyễn Ngọc T; tên gọi khác (T Tề, Tèo); sinh năm: 1977; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị Thúy H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bà Phạm Thị Tuyết H, sinh năm 1968; Nơi cư trú: 213 C, phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Nơi cư trú: tổ 01, ấp N, xã P, thành phố R, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965, trú tại: Ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/02/2015, tại khu vực trước cổng nhà bà Trịnh Thị X ở ấp Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xảy ra vụ đánh, chém gây thương tích giữa: Một bên là Lê Phú Q, Lê Thanh T và Lê Nguyễn Trọng T với một bên là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Bích C, cụ thể như sau:

Chiều ngày 24/02/2015, Nguyễn Thị Bích C nhờ Dương Trung H chở đến nhà Lê Phú Q (tên thường gọi Q Nato) ở ấp Đ, xã B đòi tiền nợ, thì C và Dương Trung H bị Q và Lê Nguyễn Trọng T (con trai của Q) đuổi đánh, C về nhà gọi điện cho Nguyễn Ngọc T (là anh trai của C) kể lại sự việc, Nguyễn Ngọc T gọi điện thoại cho Q thì giữa Nguyễn Ngọc T và Q thách thức hẹn nhau chiều mai đến Lô cao su số 1 để đánh nhau.

Khoảng 17 giờ ngày 25/02/2015, khi Nguyễn Ngọc T về đến nhà, thì nghe kể lại sự việc Q mang súng đến đe dọa và đòi bắn chết cả nhà Nguyễn Ngọc T, nên Nguyễn Ngọc T đã gọi điện cho Q hai bên lại thách thức rồi hẹn nhau ra Lô cao su số 1 để đánh nhau. Một lát sau, Q điều khiển xe Yamaha Novou Biển số: 53P6-9816 cầm theo 01 cây cao su dài khoảng 01 m đi đến trước cửa nhà bà X, thì bị Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc T đánh Q, lúc này, có Lê Thanh T (tên thường gọi T Bún), cầm rựa dài khoảng 1,3m xông đến chém Nguyễn Ngọc T (Tề) trong lúc Lê Thanh T cầm rựa chém Nguyễn Ngọc T (Tề) thì Tý (Trắng) cũng cầm cây đánh Nguyễn Ngọc T (Tề), còn Q Na Tô thì giữ chân Nguyễn Ngọc T (Tề). Lúc này Nguyễn Ngọc H cầm cây đánh vào tay Q Na tô, còn Lê Thị Bích C thì cầm 01 con dao rựa không có máu nhưng không chém ai được vì đang đánh nhau hỗn độn nên C ném cây rựa cho Nguyễn Ngọc T (Tề). Nguyễn Ngọc T (Tề) dùng cây rựa C đưa chém Lê Thanh T (Bún) và Q (Na Tô) gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 65/TgT ngày 21/4/2015 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể Nguyễn Ngọc T do thương tích gây ra hiện tại là 16%”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/TgT ngày 15/4/2015 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể Lê Thanh T do thương tích gây ra hiện tại là 32%”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 59/TgT ngày 15/4/2015 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể Lê Phú Q do thương tích gây ra hiện tại là 33%”.

Tại Bản kết luận giám định số 1022/C54B ngày 16/3/2016 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Viên đạn gửi giám định là đạn đã bắn, ký hiệu RAI 07 38 SPL, sử dụng cho loại súng ổ quay (rulo) cỡ nòng 9mm.

Viên đạn nêu trên là đạn quân dụng; Không đủ cơ sở xác định dấu vết biến dạng (lõm) tại đầu viên đạn là cũ hay mới”.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thị Bích C không đồng ý với các bản kết luận giám định của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên đã làm đơn yêu cầu giám định lại thương tích của Lê Phú Q, Lê Thanh T và Nguyễn Ngọc T.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 2200/C54B ngày 03/8/2016 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Ngọc T tại thời điểm giám định là: 24%; Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương vùng đỉnh trái do vật tày tác động tạo ra; Vết thương ngón I, III tay phải, lưng trái và thắt lưng phải do vật sắc nhọn tác động tạo ra”.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 2199/C54B ngày 03/8/2016 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thanh T tại thời điểm giám định là: 14%; Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương cẳng tay phải do vật sắc nhọn tác động tạo ra”.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 2198/C54B ngày 03/8/2016 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Phú Q tại thời điểm giám định là: 21%; Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích gãy 1/3 giữa xương trụ cẳng tay trái do vật tày tác động gây ra; Thương tích cổ tay trái do vật sắc nhọn tác động”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc T, Lê Phú Q, Nguyễn Ngọc H đồng phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự 1999.

1. Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự 1999 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích C 28 (hai tám) tháng tù, nhưng trừ cho C 52 ngày (01 tháng 22 ngày) mà C đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 13/4/2016 đến ngày 03/6/2016). Như vậy thời hạn tù mà C còn phải chấp hành là 26 (hai sáu) tháng 08 tám) ngày tù.

2. Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 26 (hai sáu) tháng tù, nhưng trừ cho T 280 ngày (09 tháng 10 ngày) mà T đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 24/11/2015 đến

ngày 29/8/2016). Như vậy thời hạn tù mà T còn phải chấp hành là 16 (mười sáu) tháng 20 (hai mươi) ngày tù.

3. Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1 Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 10 (mười) tháng tù, nhưng trừ cho H 244 ngày (08 tháng 04 ngày) mà H đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 30/12/2015 đến ngày 29/8/2016). Như vậy thời hạn tù mà H còn phải chấp hành là 01 (một) tháng 26 (hai sáu) ngày tù.

4. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự 1999; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Phú Q 24 (hai bốn) tháng tù, nhưng trừ cho Q 281 ngày (09 tháng 11 ngày) mà Q đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 23/11/2015 đến ngày 29/8/2016). Như vậy thời hạn tù mà Q còn phải chấp hành là 14 (mười bốn) tháng 19 (mười chín) ngày tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án đối với các bị cáo: Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc T, Lê Phú Q, Nguyễn Ngọc H.

Ngoài ra bản án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo Lê Thanh T và Lê Nguyễn Trọng T, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08/11/2017, các bị cáo Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc T cùng làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung:

+ Thứ nhất: Các bị cáo không phạm tội Cố ý gây thương tích, cấp sơ thẩm xét xử oan sai;

+ Thứ hai: xét xử bỏ lọt người lọt tội khi xác định sai tư cách tổ tụng đối với Võ Trường Thiên vì chính Thiên là người dùng hung khí chém Nguyễn Ngọc T nhưng chỉ được triệu tập là người làm chứng.

Tuy nhiên tại phiên tòa sau khi được Hội đồng xét xử giải thích các bị cáo này đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/11/2017, bị cáo Lê Phú Q làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do: bị cáo không phải là người chủ động đánh nhau, khi sự việc xảy ra đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục hậu quả; bản thân đã từng nhập ngũ và hoàn cảnh gia đình khó khăn và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định

đánh giá không phù hợp với tính chất, mức độ và vai trò hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên không có người cầm đầu, tổ chức. Bị cáo C chỉ là người giúp sức hỗ trợ các bị cáo khác về tinh thần, không gây thương tích cho ai nhưng cấp sơ thẩm lại xét xử bị cáo mức án nặng nhất là chưa phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét bị cáo C là đồng phạm có vai trò không đáng kể, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Còn các bị cáo T, Q và H tại phiên tòa hôm nay không cung cấp chứng cứ nào mới theo quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y mức án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Nguyễn Trọng T không kháng cáo, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù, bị cáo đã bị tạm giam 05 tháng 17 ngày tù còn lại phải chấp hành 13 ngày tù là chưa phù hợp và không mang ý nghĩa cải tạo, giáo dục nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo bằng mức tạm giam.

Ý kiến bào chữa của Luật sư:

- Đề nghị làm rõ vai trò của Võ Trường Thiên trong vụ án, bởi lẽ trong hồ sơ vụ án thể hiện Thiên có dùng hung khí chém bị cáo Nguyễn Ngọc T. Việc cấp sơ thẩm đưa Thiên tham gia tố tụng với vai trò là người làm chứng là lọt người, lọt tội.

- Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về vai trò của bị cáo C trong đồng phạm, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với bị cáo H tham gia với vai trò mờ nhạt nên đề nghị cho được hưởng án treo.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem lại phân trách nhiệm dân sự mà các bị cáo là thân chủ của ông phải bồi thường.

Các bị cáo C, T, H đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án hành vi của Thẩm phán, quyết định của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng. Bị cáo và các đương sự khác không có ai khiếu nại hay tố cáo hành vi, quyết định của Thẩm phán và của Tòa án.

Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi trong thời gian quy định của pháp luật nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc T sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bản án sơ thẩm xét xử không oan cho các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Lê Phú Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt và xin hưởng án treo.

[3] Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân xảy ra vụ án là do có mâu thuẫn tiền bạc trước đó dẫn đến thách thức đánh nhau giữa hai nhóm đối tượng Lê Phú Q, Lê Thanh T, Lê Nguyễn Trọng T đánh, chém với Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Thị Bích C. Dương Trung H quả gây thương tích cho Nguyễn Ngọc T tại thời điểm giám định là 24%; Lê Phú Q là 21% và Lê Thanh T là 14%. Vì khi đánh nhau bên nào cũng sử dụng hung khí nguy hiểm và cũng có người bị thương tích. Vì vậy, việc xác định những ai tham gia đánh nhau trực tiếp hay gián tiếp mà gây ra hậu quả thì cùng phải chịu trách nhiệm tương xứng với vai trò, tính chất hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc T cho rằng: Các bị cáo lúc đầu cho rằng mình không phạm tội Cố ý gây thương tích, cấp sơ thẩm xét xử oan sai; cấp sơ thẩm đã xét xử bỏ lọt người lọt tội khi xác định sai tư cách tổ tụng đối với Võ Trường Thiên vì chính Thiên là người dùng hung khí chém Nguyễn Ngọc T nhưng chỉ được triệu tập là người làm chứng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với Nguyễn Thị Bích C cho rằng lúc xảy ra xô xát, thấy anh của mình là Nguyễn Ngọc T bị nhóm của Q đánh nên chỉ cầm một khúc cây để đánh nhóm của Q nhưng không biết trúng ai, mục đích là giải vây cho anh của mình. Tuy nhiên qua xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và điều tra công khai tại phiên tòa đã xác định được: Trong lúc hai bên xô xát thì C cũng có mặt ở đó và cầm một cây rựa dài 75cm không có mấu ném vào cho Nguyễn Ngọc T chém Lê Thanh T gây thương tích 14%. Tuy C chỉ thừa nhận cầm cây đánh vào nhóm của Q nhưng chính bị hại Lê Thanh T xác định là C cầm cây rựa nêu trên. Điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng Lê Văn Hùng tại (BL 743) và lời khai của ông Hùng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm. Như vậy, tuy C không trực tiếp gây ra thương tích cho người bị hại nhưng chính C đã trực tiếp hỗ trợ hung khí và tinh thần cho bị cáo Nguyễn Ngọc T (Tê) và H gây thương tích cho người bị hại. Vì vậy, bản án sơ thẩm xét xử Nguyễn Thị Bích C tội đồng phạm tội

“Cố ý gây thương tích” là có căn cứ không oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản án sơ thẩm nhận định đây là vụ án mang tính bộc phát nên là đồng phạm giản đơn, không có người cầm đầu, chủ mưu. Nhưng án sơ thẩm xác định hành vi C là nguy hiểm nhất và xét xử mức án cao hơn các đồng phạm khác là không chính xác. Bởi lúc đánh nhau bị cáo C chỉ hỗ trợ về mặt tinh thần và hung khí chứ không trực tiếp gây thương tích cho ai. Việc xét xử bị cáo C mức án cao hơn các đồng phạm khác là không đảm bảo chính xác trong việc lượng hình. Xét bị cáo C tại phiên tòa phúc thẩm sau khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo C là đồng phạm có vai trò không đáng kể, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, bị cáo lại có 02 người anh và em cũng bị xử phạt tù trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

[4.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T (Tề) và H thì thấy: Các bị cáo cho rằng mình không phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không có căn cứ, vì tại các bản lời khai và chính tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thừa nhận có đánh, chém nhưng không biết trúng ai. Cấp sơ thẩm đã xem xét, phân tích rõ hành vi của từng bị cáo, lời khai của những người làm chứng và thương tích của các bị hại nên xác định tội danh đối với các bị cáo là có căn cứ, không oan sai. Ngoài ra, giữa hai nhóm đối tượng trước đó có hành động cãi vã, thách thức nhau rồi hẹn đến chiều hôm sau để đánh nhau. Khi gặp Q, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc H đã xông vào đánh sau đó mới xảy ra sự việc. Chính vì vậy, không thể xác định đây là hành động phòng vệ chính đáng. Bị cáo C là tuy không cầm hung khí đánh chém trực tiếp cho ai nhưng đã nhặt hung khí là 01 cây rựa ném cho Nguyễn Ngọc T chém gây thương tích cho Lê Thanh T nên xác định bị cáo cùng tội danh với tính chất đồng phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Do Nguyễn Ngọc H tại phiên tòa phúc thẩm đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng vì vậy Hội đồng xét xử nhất trí xét xử bị cáo bằng mức tạm giam.

[4.3] Đối với bị cáo Lê Nguyễn Trọng T không kháng cáo, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù, bị cáo đã bị tạm giam 05 tháng 17 ngày tù còn lại phải chấp hành 13 ngày tù là chưa phù hợp và không mang ý nghĩa cải tạo, giáo dục nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát xử phạt bị cáo bằng mức tạm giam.

[4.4] Đối với yêu cầu xem xét tư cách tổ tụng của Võ Trường Thiên: Tại bản lời khai của Thiên xác định có nhặt cây rựa và cây củi cầm trên tay nhưng không

tham gia đánh nhau. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành điều tra đối với trường hợp của Võ Trường Thiên nếu có căn cứ xác định sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

[4.5] Về lý do xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Phú Q và Nguyễn Ngọc T thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm, thể hiện tính chất côn đồ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác là khách thể quan trọng được pháp luật bảo vệ . Với hành vi của bị cáo như trên cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm khắc là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Vì vậy, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy các bị cáo không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự. Những lý do các bị cáo đưa ra đã được cấp sơ thẩm xem xét nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Phú Q và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Ngọc T nên giữ nguyên hình phạt của cấp sơ thẩm đã tuyên.

[5] *Về áp dụng điều luật:* Tại khoản 02 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 không có điểm nhưng cấp sơ thẩm áp dụng các điểm là chưa phù hợp, cần rút kinh nghiệm.

[6] *Về án phí hình sự phúc thẩm:* Kháng cáo của những bị cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định, còn bị cáo C và H không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c, e khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Lê Phú Q, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc T, Lê Phú Q, Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” .

1. Áp dụng khoản 2 Điều 104, Điều 20 Bộ luật hình sự 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích C 12 (mười hai) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án phúc

thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T 26 (hai sáu) tháng tù**, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 24/11/2015 đến ngày 29/8/2016). Như vậy thời hạn tù mà T còn phải chấp hành là 16 (mười sáu) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

3. Áp dụng các khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự 1999; điểm p khoản 1 Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H 08 (tám) tháng 04 (bốn) ngày tù**, nhưng được khấu trừ 08 tháng 04 ngày đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 30/12/2015 đến ngày 29/8/2016). Như vậy bị cáo H đã chấp hành xong hình phạt tù.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53 Bộ luật hình sự 1999; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo **Lê Phú Q 24 (hai bốn) tháng tù**, nhưng được khấu trừ 09 tháng 11 ngày đã tạm giam trước đó (từ ngày 23/11/2015 đến ngày 29/8/2016). Như vậy thời hạn tù mà Q còn phải chấp hành là 14 (mười bốn) tháng 19 (mười chín) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

5. Áp dụng các khoản 2 Điều 104, các Điều 20, 33, 53, điểm b, p khoản 1 Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo **Lê Nguyễn Trọng T 05 (năm) tháng 17 (mười bảy) ngày tù**, nhưng được khấu trừ 05 tháng 17 ngày đã bị tạm giam trước đó (từ ngày 16/3/2016) đến ngày 29/8/2016). Như vậy bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Bích C, Nguyễn Ngọc H không phải chịu; Nguyễn Ngọc T, Lê Phú Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân huyện Châu Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức;
- Công an huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Các bị cáo; luật sư; bị hại;
- Lưu.

Đã ký)

Tạ Quốc Việt

